TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2022.
(V/v xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

****/ Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*** Ông Bùi Văn T.

****/ Hội thẩm nhân dân:*** Bà Nguyễn Thị L và bà Vũ Thị T1.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị T2– Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị T3 - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân H1ện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2022/TLST-HNGĐ về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

****/ Nguyên đơn***: - Anh Nguyễn Như T4, sinh năm 1991;

Đăng ký HKTT, trú tại: Thôn Y, xã D, H1ện K, tỉnh Hưng Yên.

****/ Bị đơn:*** - Chị Nguyễn Thị Hoài T5, sinh năm 1991;

Sinh quán: Thôn Q, xã V, huyện V1, thành phố H; Đăng ký HKTT: Thôn Y, xã D, H1ện K, tỉnh Hưng Yên.

****/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Cháu Nguyễn Như D1, sinh ngày 04/3/2015;
- Cháu Nguyễn Như H1, sinh ngày 16/10/2018

Giám hộ cho cháu D1 và cháu H1 là chị Nguyễn Thị Hoài T5 và anh Nguyễn Như T4 – Bố, mẹ đẻ của các cháu.

****/ Người làm chứng:***

- Bà Bùi Thị M, sinh năm 1972;

Đăng ký HKTT, trú tại: Thôn Q, xã V, huyện V1, thành phố H.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Như T4 trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Hoài T5, sinh năm 1991 là người ở xã V, huyện V1, Thành phố H trên cơ sở tự nguyện và được tự do tìm hiểu có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND xã D – huyện K, vào ngày 15/10/2014.

Sau khi kết hôn chị T5 về chung sống cùng gia đình anh tại Thôn Y, xã D. Chúng anh chung sống bình thường được khoảng 3 năm thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị T5 hay ghen bóng ghen gió nghi ngờ linh tình rồi suốt ngày căn vặn, ta hỏi anh đi đâu, làm gì.....Nhiều lần anh khuyên giải và giải thích nhưng chị T5 không nghe, ngược lại còn lạnh nhạt và xa lánh anh . Cuộc sống vợ chồng anh từ đó thường xuyên xẩy ra cãi vã, không khí gia đình lúc nào cũng tẻ nhạt và buồn chán. Do mâu thuẫn căng thẳng nên cuối năm 2018 chị T5 đã bỏ ra ngoài thuê nhà sinh sống. Thỉnh thoảng chị T5 vẫn về nhà anh thăm nom con chung, có lần chị T5 bảo đi làm ăn trên H2, có lần chị T5 bảo ở ngoài Q1, có lần chị T5 lại bảo đang ở nhà bố mẹ đẻ ở xã V, huyện V1, Thành phố H. Gần đây chị T5 không về thăm con nữa, với lý do là bận công việc ở xã.

Đến thời điểm này anh xác định tình cảm vợ chồng đã không còn từ lâu, cuộc sống hôn nhân chỉ là trên danh nghĩa. Do vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị T5 để anh sớm ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn Như D1, sinh ngày 04/3/2015 và cháu Nguyễn Như H1, sinh ngày 16/10/2018. Hiện cháu D1 đang ở cùng với anh , cháu H1 đang ở cùng với chị T5. Khi ly hôn, anh xin được nuôi dưỡng chăm sóc cho cháu D1, còn để chị T5 tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu H1 cho đến khi các cháu khôn lớn trưởng thành đủ 18 tuổi. Hiện anh làm công việc tự do, T5 nhập bình quân của anh là 8.000.000 đồng/1 tháng.Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, anh không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp với gia đình hai bên nội ngoại: Anh không đề nghị Tòa án đặt ra giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng là bà Bùi Thị M (mẹ đẻ chị T5) trình bày: Về hoàn cảnh và điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, tình trạng hôn nhân như anh T5 trình bày. Chị T5 lấy chồng xa nhà, nên thỉnh thoảng mới về nhà bà chơi. Mấy năm đầu sau khi kết hôn thì bà thấy mỗi lần về chơi chị T5 bình thường, không than thở gì về cuộc sống. Tuy nhiên kể từ khi sinh con thứ hai xong thì bà thấy chị T5 hay về nhà bà chơi hơn, mỗi lần về thì không được vui vẻ và có vài lần tâm sự với bà là vợ chồng hay cãi nhau, chị T5 ghi ngờ anh T4 không chung thủy nhưng đó chỉ là cảm nhận của chị T5, anh T4 không còn quan tâm đến chị T5 như trước nữa. Cuộc sống vợ chồng thì lạnh nhạt, sống chung nhà nhưng như hai người dưng,

chỉ nói chuyện khi thật cần thiết. Mỗi lần chị T5 tâm sự như vậy thì bà chỉ biết động viên chị T5 cố gắng nhẫn nhịn, vun vén gia đình để con cái đỡ khổ. Tuy nhiên đến cuối năm 2018 chị T5 mang một con chung về nhà bà sinh sống, có trình bày là vợ chồng mẫu thuẫn căng thẳng quá, không thể tiếp tục chung sống nên quyết định ly hôn nhau. Từ đó đến nay chị T5 và anh T4 sống ly thân nhau mỗi người một nơi, không quan tâm chăm sóc nhau. Chị T5 đi làm ăn tự do, nay chỗ này mai chỗ khác. Chị T5 vẫn thỉnh thoảng về nhà anh T4 để thăm con

Anh T4 và chị T5 có 02 con chung là cháu Nguyễn Như D1, sinh năm 2015 và cháu Nguyễn Như H1, sinh năm 2017. Hiện cháu D1 đang sống cùng bố còn Cháu H1 đang sống cùng mẹ. Trên thực tế từ năm 2019 bà đã giúp chị T5 chăm sóc cho cháu H1 cho đến tận bây giờ. Bà chỉ nghĩ giúp được con cháu là tình cảm trách nhiệm của người làm ông bà nên bà không có yêu cầu đề nghị gì về việc này.

Khi bà nhận được các Thông báo và Giấy triệu tập của Tòa án đối với chị T5 thì bà đều thông báo ngay cho chị T5 và động viên chị T5 đến Tòa án huyện K làm việc. Tuy nhiên chị T5 đều kiên quyết nói là không đến làm việc được vì bận công việc. Mặt khác chị T5 xác định tình cảm vợ chồng với anh T4 không còn từ lâu nên cũng không muốn tham gia việc hòa giải. Do vậy hôm nay bà đến Tòa án huyện K để trình bày cho Tòa án biết về quan điểm của chị T5 như sau: Chị T5 cũng nhất trí ly hôn với anh T4, về con chung thì chị T5 xin nuôi cháu H1 và nhất trí giao cháu D1 cho anh T4 nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con và các mối quan hệ liên quan của hai vợ chồng thì chị T5 không đề nghị Tòa án đặt ra giải quyết. Chị T5 cũng xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án này.

Tại biên bản xác minh, UBND xã D cung cấp: Vợ chồng anh T4 và chị T5 đã làm thủ tục đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã D – huyện K, vào ngày 15/10/2014. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm lối sống, không tin tưởng nhau, hiện hai anh chị đã sống ly thân. Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Như D1, sinh ngày 04/3/2015 và Cháu Nguyễn Như H1, sinh ngày 16/10/2018. Ngoài ra UBND xã còn có một số ý kiến về tài sản, công nợ, công sức đóng góp chung và về đất nông nghiệp 03 của anh, chị. Đồng thời UBND xã có quan điểm mâu thuẫn giữa anh T4 và chị T5 là có thật nên đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

<u>Tại phiên tòa hôm nay:</u>

- Nguyên đơn anh Nguyễn Như T4 có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Hoài T5 vắng mặt, người làm chứng bà Bùi Thị M có quan điểm xin được giải quyết xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng

dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn vắng mặt không tuân theo quy định của pháp luật.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T5 án phí, lệ phí Toà án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Như T4 được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hoài T5. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Như H1, sinh ngày 16/10/2018 cho chị T5 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu Nguyễn Như D1, sinh ngày 04/03/2015 cho anh T4 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; sau khi ly hôn chị T5, anh T4 được quyền thăm nom và quyền xin thay đổi nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của anh T4, chị T5 đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, anh T4 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử xét thấy:

[1].*Về tố tụng*: Anh Nguyễn Như T4 có đơn đề nghị TAND huyện K giải quyết ly hôn cho chị và chị Nguyễn Thị Hoài T5, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên, và giải quyết về con chung cũng như các vấn đề có liên quan. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thì vụ án T5ộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Như T4 có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị Hoài T5 vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần; người làm chứng bà Bùi Thị M đã có quan điểm xin được giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS năm 2015.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân:*** Anh T4 kết hôn với chị T5 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D – huyện K, vào ngày 15/10/2014 là hoàn toàn hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng đã nẩy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng nhau về quan điểm lối sống. Vợ chồng không tin tưởng nhau và không biết cảm thông, chia sẻ với nhau. Cả hai đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm chăm

sóc đến nhau. Anh T4 xác định không còn tình cảm với chị T5 nên xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Bản thân chị T5 cũng nhất trí ly hôn với anh T4 .

Anh T4 và chị T5, cũng như người thân trong gia đình anh chị thì thấy rằng quá trình chung sống anh T4 và chị T5 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng và sẻ chia được với nhau. Anh T4 và chị T5 đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Từ những căn cứ nêu trên chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T4 và chị T5 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh T4 là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. ***Về con chung*****:** Anh Nguyễn Như T4 và chị Nguyễn Thị Hoài T5 có hai con chung là cháu Nguyễn Như D1, sinh ngày 04/3/2015 và Cháu Nguyễn Như H1, sinh ngày 16/10/2018. Hiện cháu D1 đang ở cùng với anh T4, cháu H1 đang ở cùng với chị T5. Anh T4 có nguyện vọng xin nuôi cháu D1 và giao cháu H1 cho chị T5 nuôi; chị T5 cũng có nguyện vọng như anh T4. Việc chăm sóc con chung là nghĩa vụ và trách nhiệm của cả bố và mẹ, nguyện vọng của anh T4 và chị T5 đều là chính đáng. Do vậy để đảm bảo điều kiện sống ổn định, tâm sinh lý phát triển tốt nhất cho con chung cần giữ nguyên tình trạng con chung như hiện tại là giao cháu D1 cho anh T4 tiếp tục nuôi và giao cháu H1 cho chị T5 tiếp tục nuôi cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Như vậy cũng là phù hợp với nguyện vọng của anh T4 , chị T5 và cũng là phù hợp với quy định của khoản 1, khoản 2 Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Do anh T4 và chị T5 không yêu cầu việc đóng góp nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn, anh T4, chị T5 có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[4]. ***Về tài sản chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con chung, đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại:*** Anh T4 và chị T5 đều không yêu cầu đặt ra giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. ***Về án phí:*** Căn cứ theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T5, miễn giảm, T5, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì anh T4 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh T4 đã nộp theo biên lai T5 số 0007941 ngày 03/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự H1ện K nên anh T4 đã thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí của mình.

[6]. ***Về quyền kháng cáo:*** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. ***Căn cứ:*** Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228; của BLTTDS 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81. Điều 82. Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T5, miễn giảm, T5, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân****:* Xử cho anh Nguyễn Như T4 được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hoài T5.

[3]. ***Về con chung*****:** Giao cháu Nguyễn Như D1, sinh ngày 04/3/2015 cho anh T4 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Như H1, sinh ngày 16/10/2018 cho chị T5 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

Anh Nguyễn Như T4, chị Nguyễn Thị Hoài T5 có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[4]. ***Về tài sản chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại:*** Tòa án không đặt ra xem xét ở trong vụ án ly hôn này.

[5]. ***Về án phí:*** Anh Nguyễn Như T4 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh T4 đã nộp theo biên lai T5 số 0007941 ngày 03/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự H1ện K nên anh T4 đã thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí của mình.

[6]. ***Về quyền kháng cáo:*** Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt tất cả các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi thường trú./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã D;*
- *UBND xã V;*
- *Chi cục THADS K/C;*
- *Lưu HSVA.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Văn T